# ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

KHOA VIỆT NAM HỌC VÀ TIẾNG VIỆT

**BỘ MÔN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT**

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN VIỆT NAM**

(The Vietnamese Performance Arts)

**1. Thông tin về giảng viên**

**1.1. Giảng viên 1:**

Họ và tên: **Lê Thị Thanh Tâm**

Chức danh: Giảng viên, Tiến sĩ

Thời gian làm việc: Thứ 2 và thứ 4 hàng tuần

Địa điểm làm việc: tại Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, B7-bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, Trường ĐHKHXH&NV, B7-bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 01272059009

Email: letam.75211@gmail.com

Các hướng nghiên cứu chính:

• Văn học Việt Nam

• Văn hóa, mỹ học Phật giáo

• Lý thuyết thơ ca

**1.2. Giảng viên 2:**

Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích Nga**

Chức danh: Giảng viên chính, Thạc sĩ

Thời gian làm việc: thứ 3 và thứ 5 hàng tuần

Địa điểm làm việc: tại Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, B7-bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt, Trường ĐHKHXH&NV, B7-bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: 0979001138

Email:

Các hướng nghiên cứu chính:

• Văn học Việt Nam

• Phương pháp giảng dạy Văn học Việt Nam hiện đại cho người nước ngoài.

**1.3. Trợ giảng:**

Họ và tên: **Trần Thị Thư**

Chức danh: Cử nhân Văn học

Thời gian làm việc: thứ 2, thứ 4 và thứ 6 hàng tuần

Địa điểm làm việc: tại Khoa Việt Nam học &Tiếng Việt, B7-bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt Trường ĐHKHXH&NV, B7-bis, Bách Khoa, HBT, Hà Nội

Điện thoại: 0984466223

Email: [thutt@vnu.edu.vn](http://us.mg4.mail.yahoo.com/mc/compose?to=thutt@vnu.edu.vn)

Các hướng nghiên cứu chính:

• Văn học Việt Nam

• Lý luận văn học

• Các loại hình nghệ thuật truyền thống Việt Nam

**2. Thông tin chung về môn học:**

• Tên môn học: **Nghệ thuật biểu diễn Việt Nam**

• Mã số:VLC 3039

• Số tín chỉ: 04

• Môn học: Bắt buộc

• Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

+ Phân bố lý thuyết: 52

+ Thực hành, điền dã: 4

+ Thuyết trình: 4

+ Tự học, tự nghiên cứu:

+ Môn tiên quyết: Cơ sở văn hoá Việt Nam

+ Môn tiếp theo: Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam

• Địa chỉ phụ trách môn học: Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt Trường ĐHKHXH&NV, B7-Bis, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học:**

**3.1. Mục tiêu chung:**

Môn học cung cấp cho sinh viên (Việt Nam và nước ngoài) một cái nhìn toàn cảnh về nghệ thuật biểu diễn truyền thống của người Việt, đặc biệt là khu vực đồng bằng sông Hồng cũng như nét đặc sắc văn hóa của cư dân xung quanh thủ đô Hà Nội suốt nghìn năm văn hiến. Các loại hình nghệ thuật được giới thiệu, giảng dạy mang đậm bản sắc dân tộc Việt Nam, trong đó có một vài loại hình đã được vinh danh trong cộng đồng quốc tế như: Hát quan họ, hát ca trù. Thông qua việc tìm hiểu, thưởng thức các giá trị nghệ thuật truyền thống, người học có thêm cơ sở để hiểu biết về văn minh văn hóa Việt Nam trong hành trình lịch sử.

**3.2. Chuẩn đầu ra của môn học** (Mục tiêu cụ thể)**:**

**a. Về kiến thức:**

- Sinh viên được trang bị nền tảng kiến thức cơ bản nhất về nghệ thuật biểu diễn Việt Nam, góp phần lý giải được tư chất, văn hóa, phong cách và khả năng sáng tạo nghệ thuật của người Việt.

- Sinh viên nắm được một số loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống của Việt Nam.

- Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về nghệ thuật truyền thống là cơ sở cho người học hiểu biết về sự hình thành các vùng văn hóa, đặc điểm diễn xướng và những đóng góp của các vùng miền vào di sản tinh thần, văn hóa của dân tộc Việt Nam.

**b. Về kỹ năng:**

- Bước đầu môn học cung cấp cho người học những tiêu chí thưởng thức nghệ thuật truyền thống, thái độ ứng xử với di sản tinh thần của đất nước.

- Sau khi kết thúc môn học, sinh viên có thể rèn luyện thêm phần nào kỹ năng biểu diễn, hiểu biết, nhớ tên và đặc điểm thẩm mỹ, hiệu ứng âm thanh của một số nhạc cụ dân tộc, có khả năng hiểu biết sâu sắc hơn các quá trình bên trong của một tác phẩm nghệ thuật diễn xướng truyền thống.

**c. Về thái độ:**

- Sinh viên có điều kiện nhận thức và tiếp cận được giá trị văn hoá độc đáo thông qua những hình thức diễn xướng dân gian truyền thống của người Việt.

- Qua tiếp xúc trực tiếp, sinh viên có dịp nâng cao khả năng thưởng thức âm nhạc dân tộc, từ đó hình thành ý thức giữ gìn, bảo tồn và không ngừng phát triển những di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc.

- Tạo điều kiện cho sinh viên bồi dưỡng và nâng cao năng lực thẩm mỹ, khơi dậy niềm tự hào dân tộc và càng yêu thích môn học hơn.

**3.3.** **Chuẩn đầu ra chi tiết của môn học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **Nội dung** | **Mức I (A)** | **Mức II (B)** | **Mức III (C)** |
| **Chương 1**  Tổng quan về môn học | I.A.1. Nhớ được những nội dung chính của môn học.  I.A.2. Nhớ được phương pháp học môn học.  I.A.3. Nhớ được yêu cầu môn học.  I.A.4. Nhớ được cách đọc tài liệu và quy định về nội dung, hình thức và quy cách chuân bị bài ở nhà. | I.B.1. Nắm vững những nội dung chính của môn học.  I.B.2. Nắm chắc phương pháp học môn học.  I.B.3. Nắm vững yêu cầu môn học.  I.B.4. Nắm vững cách đọc tài liệu và quy định về nội dung, hình thức và quy cách chuân bị bài ở nhà. | I.C.1. Phân tích những nội dung chính và phương pháp nghiên cứu các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam. |
| **Chương 2**  Văn hóa dân gian và nghệ thuật biểu diễn | II.A.1.Nhớ được quan niệm văn hóa dân gian và mối liên hệ với diễn xướng dân gian.  II.A.2. Nhớ được các không gian diễn xướng cơ bản của người Việt. | II.B.1.Nắm vững các khái niệm công cụ về văn hóa dân gian, diễn xướng dân gian, không gian diễn xướng. | II.C.1.Phân tích vai trò văn hóa dân gian trong việc hình thành các không gian diễn xướng truyền thống đặc thù của người Việt. |
| **Chương 3**  Các vùng dân ca | III.A.1. Nhớ được đặc trưng các vùng dân ca cơ bản: vùng dân ca vùng núi phía Bắc, đồng bằng trung du Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ và Tây Nguyên. | III.B.1. Nắm vững một số đặc trưng quan trọng của các vùng dân ca cơ bản: vùng dân ca vùng núi phía Bắc, đồng bằng trung du Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Trung Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ và Tây Nguyên. | III.C.1. Phân tích đặc trưng dân ca các vùng miền cơ bản. |
| **Chương 4**  Hát  quan họ | IV.A.1. Nhớ được bài giảng về nguồn gốc quan họ, không gian diễn xướng, hình thức diễn xướng và âm nhạc quan họ. | IV.B.1. Nắm vững các vấn đề chính của nội dung hát quan họ bao gồm: nguồn gốc quan học, không gian diễn xướng, hình thức diễn xướng và âm nhạc quan họ. | IV.C.1. Phân tích cách thức thưởng thức và hát quan họ, đặc điểm diễn xướng và vùng dân ca quan họ tiêu biểu.  IV.C.2. Phân tích giá trị của hát quan họ như là di sản phi vật thể, truyền thống văn hóa đặc sắc. |
| **Chương 5**  Hát  Chèo | V.A.1. Nhớ được nghệ thuật hát chèo từ nguồn gốc văn hóa, diễn xướng, đặc điểm và hình thức diễn xướng. | V.B.1. Nắm được các vấn đề chính của nghệ thuật chèo gồm: nguồn gốc văn hóa, diễn xướng, đặc điểm và hình thức diễn xướng  V.B.2.Hiểu được cách thưởng thức các vở chèo tiêu biểu. | V.C.1. Phân tích các biểu hiện nghệ thuật chèo (kịch bản, nhân vật, giá trị văn hóa).  V.C.2. Bình luận, thưởng thức và cảm thụ một số vở chèo tiêu biểu thông qua thực hành điền dã hoặc xem băng đĩa. |
| **Chương 6**  Hát  Tuồng | VI.A.1. Nhớ được một số đặc điểm của nghệ thuật hát tuồng như nguồn gốc diễn xướng, đặc trưng về tính ước lệ, đặc điểm âm nhạc và múa tuồng. | VI.B.1. Nắm được các đặc trưng cơ bản của nghệ thuật hát tuồng gồm: nguồn gốc diễn xướng, đặc trưng về tính ước lệ, đặc điểm âm nhạc và múa tuồng. | VI.C.1. Phân tích bản chất ước lệ của nghệ thuật tuồng  VI.C.2. Phân tích nghệ thuật một số vở tuồng tiêu biểu. |
| **Chương 7**  Hát  Ca trù | VII.A.1.Nhớ được tiến trình ca trù từ nguồn gốc, đặc điểm diễn xướng, giá trị văn hóa. | VII.B.1.Nắm được bản chất loại hình nghệ thuật ca trù, phân biệt các vùng văn hóa nuôi dưỡng và làm nên bản sắc ca trù. | VII.C.1. Phân tích mối liên hệ hát ca trù và thơ ca trù.  VII.C.1. Phân tích bài ca trù từ góc độ văn học và văn hóa  VII.C.1. Phân tích, bình luận, thưởng thức ca trù như một di sản văn hóa thế giới. |
| **Chương 8**  Hát  Xẩm | VIII.A.1. Nhớ được nghệ thuật hát xẩm từ nguồn gốc, ca từ, âm nhạc và hình thức diễn xướng. | VIII.B.1. Nắm vững đặc trưng hát xẩm gồm nguồn gốc, ca từ, âm nhạc và hình thức diễn xướng. | VIII.C.1. Phân tích giá trị hát xẩm như một loại hình nghệ thuật truyền thống đặc biệt. |
| **Chương 9**  Hát  Chầu văn | IX.A.1. Nhớ được bản chất nghệ thuật hát chầu văn trong quan hệ với tín ngưỡng tứ phủ cũng như hình thức diễn xướng, không gian diễn xướng và âm nhạc của chầu văn. | IX.B.1. Nắm vững bản chất nghệ thuật hát chầu văn trong quan hệ với tín ngưỡng tứ phủ cũng như hình thức diễn xướng, không gian diễn xướng và âm nhạc của chầu văn | IX.C.1. Phân tích mối quan hệ giữa hát chầu văn và tín ngưỡng dân gian. |
| **Chương 10**  Hát  bài Chòi | X.A.1. Nhớ được đặc trưng về hình thức và nội dung diễn xướng của hát bài chòi. | X.B.1. Nắm vững đặc trưng về hình thức và nội dung diễn xướng của hát bài chòi (hô bài thai). | X.C.1. Phân tích nghệ thuật hát bài chòi. |
| **Chương 11**  Hát ru | XI.A.1. Nhớ được đặc trưng âm nhạc của hát ru, nội dung ca từ và những bài hát ru tiêu biểu. | XI.B.1. Nắm vững đặc trưng âm nhạc của hát ru, nội dung ca từ và những bài hát ru tiêu biểu. | XI.C.1. Phân tích các làn điệu hát ru theo đặc trưng các vùng dân ca, vùng văn hóa Việt Nam. |
| **Chương 12**  Tổng kết | XII.A.1.Tổng kết, ôn tập các điểm chính của môn học | XII.B.1. Hệ thống hóa kiến thức cơ bản môn học theo các vấn đề được tiếp thu | XII.C.1.Phân tích giá trị NTBDVN (qua một loại hình NT tiêu biểu) |
| **Chương 13**  Tham quan thực tế môn học |  |  |  |

**4. Tóm tắt nội dung môn học:**

Môn học được phân bổ trong 15 tuần, trong đó đó 52 giờ học lý thuyết, 8 giờ thực hành và tự học, tự nghiên cứu. Phần lý thuyết, sau khi giới thiệu các khái niệm công cụ như Văn hóa dân gian, diễn xướng dân gian, vùng dân ca…, môn học tập trung giới thiệu 8 loại hình nghệ thuật diễn xướng dân gian tiêu biểu nhất, gắn liền với sự phát triển của đồng bằng sông Hồng, thủ đô Hà Nội và các nét đặc sắc nghệ thuật miền Trung, Nam bộ.

**5. Nội dung chi tiết môn học:**

**5.1. Chương 1**: **Tổng quan về môn học**

1. Giới thiệu vị trí vai trò của môn học.

2. Giới thuyết nội dung môn học.

3. Những nội dung chính của môn học.

4. Giới thiệu phương pháp học môn học.

5. Giải thích yêu cầu môn học.

6. Hướng dẫn đọc TL, quy định về ND, HT và cách chuẩn bị bài ở nhà.

**5.2. Chương 2: Văn hóa dân gian và nghệ thuật biểu diễn**

1.1. Văn hóa dân gian và diễn xướng dân gian

Diễn xướng dân gian là một phương thức đáp ứng nhu cầu phản ánh hiện thực, đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của quần chúng, đáp ứng nhu cầu xây dựng niềm cộng cảm, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo.

1.2. Không gian xã hội của diễn xướng dân gian truyền thống Việt Nam

1.2. 1. Lễ hội

1.2. 2. Không gian sinh hoạt cộng đồng

1.2. 3. Không gian làng xã

1.2. 4. Không gian diễn xướng công cộng (Chợ, chợ tình)

1.2. 5. Không gian diễn xướng lao động sản xuất

1.2. 6. Không gian diễn xướng lưu động

1.2. 7. Không gian diễn xướng sinh hoạt tôn giáo

1.2. 8. Không gian diễn xướng dân gian phản ánh theo vùng địa lý

nhân văn

**5.3. Chương 3:** **Các vùng dân ca**

3.1. Vùng dân ca miền núi phía Bắc

3.2. Vùng dân ca đồng bằng trung du Bắc Bộ

3.3. Vùng dân ca Bắc Trung Bộ

3.4.Vùng dân ca Trung Trung Bộ

3.5. Vùng dân ca Nam Trung Bộ

3.6. Vùng dân ca Nam Bộ

3.7. Vùng dân ca Tây Nguyên

**5.4. Chương 4: Hát Quan Họ**

4.1. Nguồn gốc hát Quan họ

4.2. Không gian diễn xướng

4.3. Hình thức diễn xướng

4.4. Âm nhạc Quan họ

**5.5. Chương 5: Hát Chèo**

5.1. Nguồn gốc

5.2. Đặc điểm

5.3. Hình thức diễn xướng

5.4. Các vở chèo tiêu biểu

**5.6. Chương 6: Hát Tuồng**

6.1. Nguồn gốc diễn xướng

6.2. Đặc trưng về tính ước lệ

6.3. Đặc điểm âm nhạc

6.4. Múa tuồng

6.5. Các vở tuồng tiêu biểu

**5.7. Chương 7**: **Hát Ca Trù**

7.1. Nguồn gốc

7.2. Đặc điểm diễn xướng

7.3. Giá trị văn hóa (di sản phi vật thế)

7.4. Các bài Ca Trù tiêu biểu

**5.8. Chương 8: Hát Xẩm**

8.1. Nguồn gốc

8.2. Ca từ

8.3. Âm nhạc

8.4. Hình thức diễn xướng

8.5. Các bài Hát Xẩm tiêu biểu

**5.9. Chương 9: Hát Chầu Văn**

9.1. Chầu văn và tín ngưỡng tứ phủ

9.2. Hình thức diễn xướng

9.3. Không gian, âm nhạc

**5.10. Chương 10: Hát Bài Chòi**

10.1. Hình thức diễn xướng

10.2. Nội dung

10.3. Một số bài Chòi tiêu biểu

**5.11. Chương 11: Hát Ru**

11.1. Đặc trưng âm nhạc

11.2. Nội dung ca từ

11.3. Những bài hát ru tiêu biểu

**5.12. Chương 12: Tổng kết và đánh giá**

12.1. Tổng kết toàn bộcác nội dung đã học.

12.2. So sánhnghệ thuật biểu diễn của người Việt với các dân tộc khác trên lãnh thổ Việt Nam và với các dân tộc khác trên thế giới.

12.3. Đánh giá khóa học

**5.13. Chương 13: Tham quan, thực tế môn học**

**6. Học liệu:**

**6.1. Học liệu bắt buộc:**

6.1.1. Nguyễn Thụy Loan, Lược sử âm nhạc Việt Nam, Nhạc viện Hà Nội và Nxb Âm nhạc, 1993.

6.1.2. Trần Văn Khê, Du ngoạn trong âm nhạc truyền thống Việt Nam, Nxb Trẻ, 2004.

6.1.3. Nghệ thuật diễn xướng dân gian truyền thống Việt Nam.

**6.2. Học liệu tham khảo:**

6.2.1. Tôn Thất Bình, Tuồng Huế, Nxb Thuận Hoá, Huế, 1993.

6.2.2. Lê Văn Chiêu, Nghệ thuật sân khấu hát Bội, Nxb Trẻ, 2008.

6.2.3. Hà Văn Cầu, Hề Chèo, Nxb Văn hóa, 1973.

6.2.4. Hà Văn Cầu, Lịch sử nghệ thuật Chèo, Nxb Thanh niên, 2011.

6.2.5. Ninh Viết Giao, Hát Phường vải, Nxb Văn hoá - Hà Nội, 1961.

6.2.6. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Kho tàng diễn xướng dân gian Việt Nam, Nxb VHTT 1997.

6.2.7. Vũ Khắc Khoan, Chèo, nguồn gốc và danh xưng, Nxb Sân khấu, 2001.

6.2.8. Hoàng Châu Ký, Sơ thảo lịch sử nghệ thuật Tuồng, Nxb Văn hóa, 1973.

6.2.9. Lâm Tô Lộc, Nghệ thuật múa dân tộc Việt, Nxb Văn hóa, 1979 .

6.2.10. Nguyễn Lộc, Võ Văn Tường, Nghệ thuật hát Bội Việt Nam, Nxb Văn hóa, 1994.

6.2.11. Nguyễn Đức Mậu, Ca trù nhìn từ nhiều phía, (biên soạn, giới thiệu) Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội 2003.

6.2.12. Nguyễn Đức Mậu, Ca trù Hà Nội trong lịch sử và hiện tại (chuyên luận), Nxb Hà Nội 2010.

6.2.13. Trần Việt Nghĩa, Về nghệ thuật chèo, Viện nghiên cứu Âm nhạc - Viện Âm nhạc Việt Nam.

6.2.14. Tú Ngọc, Hát xoan, Dân ca Phú Thọ, Phòng nghiên cứu âm nhạc dân tộc, vụ nghệ thuật – inrôneô, 1958.

6.2.15. Trần Đình Ngôn, Kịch bản Chèo từ dân gian đến bác học, Nxb Sân khấu, 1996.

6.2.16. Ngô Văn Phú, Lưu Hữu Phước, Nguyễn Viêm, Dân ca Quan họ Bắc Ninh, Nxb Văn Hoá, Hà Nội, 1962.

6.2.17. Mịch Quang, Đặc trưng nghệ thuật tuồng, Nxb Sân khấu, 1995.

6.2.18. Bùi Đình Thảo, Nguyễn Quang Hải, Hát chầu văn, Nxb Âm nhạc, 1996.

6.2.19. Đặng Hoài Thu, Trò diễn trong lễ hội dân gian của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ, Nxb Thanh niên, 2010.

**6.3. Các nguồn học liệu khác:**

- Tạp chí Văn hóa nghệ thuật online ( địa chỉ: <http://vhnt.org.vn/>)

- Viện Văn hóa Nghệ thuật VN(địa chỉ: <http://www.vicas.org.vn/Home/>)

**7. Hình thức tổ chức dạy học**

**7.1. Lịch trình chung :**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung**  (15 tuần) | **Hình thức tổ chức dạy học môn học** | | | | | |
| **Lên lớp** | | | Thực hành, thực tế | Tự  học, nghiên cứu | **Tổng số**  **giờ** |
| Lí thuyết | Bài tập | Thảo luận |
| Tuần 1: Chương 1 | 3 |  |  |  |  | 3 |
| Tuần 2: Chương 2 | 4 |  | 1 |  |  | 5 |
| Tuần 3: Chương 3 | 4 |  |  |  |  | 4 |
| Tuần 4: Chương 4 | 4 |  |  |  |  | 4 |
| Tuần 5: Chương 5 | 4 |  |  |  |  | 4 |
| Tuần 6: Chương 6 | 4 |  | 1 |  |  | 5 |
| Tuần 7: Chương 7 | 4 |  |  |  |  | 4 |
| Tuần 8: Kiểm tra giữa kì | 2 |  |  |  |  | 2 |
| Tuần 9: Chương 8 | 4 |  | 1 |  |  | 5 |
| Tuần 10: Chương 9 | 4 |  |  |  |  | 4 |
| Tuần 11: Chương 10 | 4 |  |  |  |  | 4 |
| Tuần 12: Chương 11 | 4 |  |  |  |  | 4 |
| Tuần 13: Chương 12 | 4 |  | 1 |  |  | 5 |
| Tuần 14: Chương 13 |  |  |  | **4** |  | 4 |
| Tuần 15: Ôn tập | 3 |  |  |  |  | 3 |
| **Tổng số giờ tín chỉ** | **52** |  | **4** |  |  | **60** |
| **Tổng số giờ trên lớp** | **52** |  | **4** |  |  | **56** |

**7.2. Lịch trình cụ thể:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức,tổ chức dạy học** | **Thời gian, địa điểm** | **Nội dung chính** | **Yêu cầu sinh viên**  **chuẩn bị** | **Ghi chú** | |
|  |  | **Tuần 1** |  |  | |
| Lý thuyết  Tự học | 3 giờ trên lớp  ở nhà | **Chương** **1** | - Yêu cầu sinh viên tải và nghiên cứu trước đề cương môn học.  - Giới thiệu giáo trình, tài liệu tham khảo. |  | |
|  |  | **Tuần 2** |  |  | |
| Lý thuyết  Thảo luận | 4 giờ trên lớp  1 h trên lớp | **Chương 2** | Sinh viên nghiên cứu trước phần giới thuyết ở các tài liệu 6.1.1, 6.1.2, 6.1.3 (trang 1-5) |  | |
|  |  | **Tuần 3** |  |  | |
| Lý thuyết | 4 giờ trên lớp | **Chương 3** | Sinh viên có thể tham khảo nội dung bài học ở các tài liệu có liên quan 6.1.1., 6.2.6, 6.2.19. |  | |
|  |  | **Tuần 4** |  |  | |
| Lý thuyết  Tự học | 4 giờ trên lớp  ở nhà | **Chương 4** | - Sinh viên đọc trước các tài liệu 6.1.1., 6.1.2., 6.1.3 (trang 65-76)  - Sinh viên có thể tham khảo tài liệu chuyên ngành về quan họ, mục 6.2.16. |  | |
|  |  | **Tuần 5** |  |  | |
| Lý thuyết  Tự học | 4 giờ trên lớp  ở nhà | **Chương 5** | - Sinh viên đọc trước các tài liệu 6.1.1., 6.1.2., 6.1.3 (trang 76-102)  - Sinh viên có thể tham khảo tài liệu chuyên ngành về Chèo, mục 6.2.3, 6.2.4, 6.2.7, 6.2.13, 6.2.15 (chú ý các chương mục liên quan đến nguồn gốc, đặc điểm và nhân vật Chèo) |  | |
|  |  | **Tuần 6** |  | |  |
| Lý thuyết  Thảo luận nhóm  Tự học | 4 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp  ở nhà | **Chương 6** | - Sinh viên đọc trước các tài liệu 6.1.1., 6.1.2., 6.1.3 (trang 102-192)  - Sinh viên có thể tham khảo tài liệu chuyên ngành về tuồng, mục 6.2.1, 6.2.2, 6.2.8, 6.2.10, 6.2.14 (lưu ý các tri thức liên quan đến nguồn gốc, tính ước lệ, âm nhạc và các điệu múa tuồng tiêu biểu) | |  |
|  |  | **Tuần 7** |  | |  |
| Lý thuyết  Tự học | 4 giờ trên lớp  ở nhà | **Chương 7** | - Sinh viên đọc trước các tài liệu 6.1.1., 6.1.2., 6.1.3 (trang 130 – 133)  - Sinh viên có thể tham khảo tài liệu chuyên ngành mục 6.2.11, 6.2.12 | |  |
|  |  | **Tuần 8**  K.tra giữa kỳ |  | |  |
|  |  | **Tuần 9** |  | |  |
| Lý thuyết  Thảo luận nhóm  Tự học | 4 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp  ở nhà | **Chương 8** | - Sinh viên đọc trước các tài liệu 6.1.1., 6.1.2., 6.1.3 (trang 133 – 139)  - Sinh viên có thể tham khảo tài liệu liên quan 6.2.6 | |  |
|  |  | **Tuần 10** |  | |  |
| Lý thuyết  Tự học | 4 giờ trên lớp  ở nhà | **Chương 9** | - Sinh viên đọc trước các tài liệu 6.1.1., 6.1.2., 6.1.3 (trang 46 – 51)  - Sinh viên có thể tham khảo tư liệu chuyên ngành 6.2.18, 6.2.19 | |  |
|  |  | **Tuần 11** |  | |  |
| Lý thuyết | 4 giờ trên lớp | **Chương 10** | Sinh viên đọc trước các tài liệu 6.1.1., 6.1.2., 6.1.3 (trang 139 – 142) | |  |
|  |  | **Tuần 12** |  | |  |
| Lý thuyết | 4 giờ trên lớp | **Chương 11** | Sinh viên đọc trước các tài liệu 6.1.1., 6.1.2., 6.1.3 (trang 142 – 146) | |  |
|  |  | **Tuần 13** |  | |  |
| Lý thuyết  Thảo luận nhóm  Tự học | 4 giờ trên lớp  1 giờ trên lớp  ở nhà | **Chương 12** | - Ôn tập các v.đề cơ bản được tổng thuật trong các TL.6.1.1, 6.1.2, 6.1.3.  - S.viên chuẩn bị một số v.đề TL thuyết trình trên lớp về thu hoạch học thuật sau 12 tuần làm việc.  - Lớp trưởng/ phó học tập hoặc các nhóm trưởng nhóm học tập rà soát các bài thu hoạch, các bài thuyết trình , gửi bản word và bài in cho GV. | |  |
|  |  | **Tuần 14** |  | |  |
| Tham quan thực tế môn học | Ở ngoài | **Chương 13** | - Thưởng thức nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam tại Viện Âm nhạc-Học viện Âm nhạc quốc gia Hà Nội  - Tìm hiểu nghệ thuật ca trù ở nhà di sản Mã Mây | |  |
|  |  | **Tuần 15** |  | |  |
| Lý thuyết | 3 h trên lớp | Ôn tập các nội dung đã học; giải đáp câu hỏi cho s/v (nếu có) | Ôn tập, đọc TL cho thi hết môn theo hướng dẫn của GV. | |  |

**8. Chính sách đối với môn học:**

- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong ĐC môn học.

- Các bài tập phải nộp đúng hạn.

- Đi học đầy đủ (nghỉ không quá 20% tổng số giờ)

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp theo hướng dẫn trong đề cương môn học.

**9. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn học:**

**9.1. Mục đích và trọng số kiểm tra:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức** | **Tính chất của nội dung kiểm tra** | **Mục đích kiểm tra** | **Trọng số** |
| Thường xuyên | - Điểm danh  - Chủ yếu về thực hành và ứng dụng thực tiễn  - Viết bài thu hoach cá nhân sau đợt thực hành điền dã | - Đánh giá kỹ năng hợp tác trong công việc, tinh thần trách nhiệm chung với nhóm  - Đánh giá mức độ thâm nhập thực tế và nhận thức môn học | 10% |
| Bài kiểm tra  giữa kỳ | Kết hợp lý thuyết và ứng dụng thực tiễn | Đánh giá khả năng nhớ và hiểu vấn đề | 30% |
| Bài thi  hết môn | Kết hợp lý thuyết và khả năng ứng dụng | Đánh giá kỹ năng trình bày và kỹ năng ứng dụng vào thực tế NCKH của sinh viên | 60% |

**9.2. Tiêu chí đánh giá các loại bài tập:**

**9.2.1. Thuyết trình nhóm:** Đây là bài đánh giá để kiểm tra khả năng tiếp thu kiến thức của sinh viên cũng như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.

**+ Tiêu chí đánh giá:**

- **Nội dung**: Xác định đúng vấn đề trọng tâm cần thuyết trình; Bài thuyết trình đầy đủ nội dung đã được giảng viên định hướng, đồng thời có tính sáng tạo.

- **Hình thức**: Trình bày rõ ràng, mạch lạc, dung lượng phù hợp; Có sử dụng Powerpoint; Có các hình ảnh và số liệu minh họa cho bài thuyết trình; Khả năng phối hợp giữa các thành viên tốt

**9.2.2. Bài thi giữa kỳ:** Đây là bài thi đánh giá năng lực nhận thức và hiểu kiến thức của sinh viên cũng như kỹ năng phân tích, trình bày trong nửa đầu học kỳ

**+ Tiêu chí đánh giá:**

- Nội dung: Đầy đủ kiến thức cần trình bày, có kết hợp giữa lý thuyết và thực tế, có phân tích và đánh giá

- Hình thức: Trình bày rõ ràng, súc tích, có trích dẫn nguồn và tài liệu tham khảo đầy đủ.

- Tổ chức đánh giá: Bài tiểu luận ngắn hoặc thi trên lớp (trắc nghiệm hoặc tự luận).

**9.2.3. Thu hoạch thực tế (cá nhân):**Thu hoạch thực tế để đánh giá khả năng áp dụng những lý thuyết đã học để tìm hiểu, đánh giá sâu hơn về những vấn đề thực tiễn.

**+ Tiêu chí đánh giá:**

- Thái độ: Sinh viên nhiệt tình, nghiêm túc và có thái độ ham học hỏi trong chuyến đi thực tế; Thể hiện được khả năng quan sát và tự tìm tòi của sinh viên.

- Nội dung: Phản ánh đúng, sâu sắc và đầy đủ những kiến thức có được sau chuyến đi thực tế; Có các ví dụ minh họa (hình ảnh, hiện vật…) để chứng minh cho bài thu hoạch của mình.

**9.3.4. Bài thi cuối kỳ:** Đánh giá toàn bộ kiến thức sinh viên đã thu nhận được trong suốt quá trình học tập. Đánh giá kỹ năng học và thực hành của sinh viên:

+ Tiêu chí đánh giá:

- Nội dung: Thể hiện kiến thức đầy đủ và phong phú, có kết hợp giữa lý thuyết và thực tế qua các ví dụ minh họa. Có phân tích và đánh giá của cá nhân về vấn đề được đưa ra.

- Hình thức: Trình bày rõ ràng, súc tích, có trích dẫn nguồn và tài liệu tham khảo đầy đủ.

+ Tổ chức đánh giá: Bài tiểu luận hoặc thi trên lớp (trắc nghiệm hoặc tự luận).

**9.4. Lịch thi, kiểm tra (kể cả thi lại):**

- Lịch kiểm tra giữa kỳ: tuần 8 của học kỳ

- Lịch kiểm tra cuối kỳ: theo thông báo của Phòng đào tạo

- Lịch thi lại: theo thông báo của Phòng đào tạo

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2013

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Duyệt**  *(Thủ trưởng đơn vị đào tạo)* | **Chủ nhiệm Khoa**  *(Ký tên)* | **Giảng viên**  *(Ký tên)*  Lê Thị Thanh Tâm |
|  |  |  |